**Phụ lục II**

**DANH MỤC THUỐC ĐƯỢC BÁN TẠI KỆ THUỐC**

*(Kèm theo Thông tư số /2018/TT-BYT ngày tháng năm 2018*

*của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

| **TT** | **Thành phần hoạt chất** | **Đường dùng, dạng bào chế, giới hạn hàm lượng, nồng độ** | **Các quy định cụ thể** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Attapulgit | Uống : các dạng |  |
| 2 | Acid boric đơn thành phần hoặc phối hợp | Dùng ngoài |  |
| 3 | Amylmetacresol dạng phối hợp trong các thành phẩm viên ngậm (như với các tinh dầu, Bacitracin...) | Viên ngậm |  |
| 4 | Benzoyl peroxid đơn thành phần hoặc phối hợp với Iod và/hoặc lưu huỳnh | Dùng ngoài: các dạng với giới hạn nồng độ ≤10% |  |
| 5 | Benzyl benzoat phối hợp trong các thành phẩm dùng ngoài (với các tinh dầu, Cồn Isopropyl...) | Dùng ngoài: các dạng  Miếng dán |  |
| 6 | Dexpanthenol | Dùng ngoài: kem, dạng xịt | Tổn thương da nhẹ, bỏng nhẹ |
| 7 | Enoxolon đơn thành phần hoặc phối hợp trong các thành phẩm dùng ngoài, viên ngậm | Dùng ngoài: thuốc bôi ngoài da, kem bôi niêm mạc miệng, nước xúc miệng | Viêm niêm mạc miệng |
| 8 | Hexetidin đơn thành phần hoặc phối hợp (với Benzydamin, Cetylpyridinum, Cholin Salicylat, Methyl salicylat, tinh dầu...) | Dùng ngoài: thuốc bôi ngoài da, dung dịch xúc miệng | Xúc miệng |
| 9 | Kẽm oxid, Kẽm pyrithion, Kẽm Gluconat, Kẽm undecylenat đơn thành phần hoặc phối hợp trong các thành phần dùng ngoài (CaCO3, bột talc, glycerin) | Dùng ngoài | Sẩn ngứa , mẩn đỏ da |
| 10 | Natri clorid. | Dung dịch dùng ngoài với nồng độ 0,9% |  |
| 11 | Natri bicarbonat đơn chất hoặc phối hợp | Dùng ngoài |  |
| 12 | Povidon Iodin | Dung dịch dùng ngoài (bao gồm dung dịch xúc miệng ≤1%) |  |
| 13 | Sucralfate | Uống: các dạng |  |
| 14 | Selenium sulfide | Dùng ngoài |  |
| 15 | Tinh dầu hoặc ở dạng phối hợp với dược liệu, menthol, pinen, camphor, cineol, borneol, methylsalicylat… | Dùng ngoài: các dạng (bôi ngoài da; ống hít, miếng dán). | Giảm đau, cảm lạnh. Thông mũi |  |
| 16 | Tyrothricin đơn chất hoặc phối hợp (với Benzalkonium, Benzocain, Formaldehyd, Trolamin, tinh dầu, các thành phần trong tinh dầu) | Viên ngậm  Dùng ngoài: dung dịch súc miệng, xịt miệng, bôi ngoài da |  |  |
| 17 | Xanh Methylen | Dùng ngoài |  |  |
|  |  |  |  |  |
| 18 | Trà thuốc, rượu thuốc từ dược liệu không chứa dược liệu độc. | Uống, Dùng ngoài |  |  |